



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

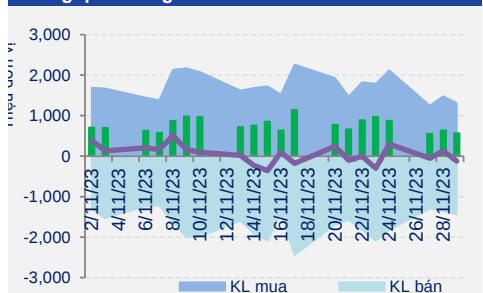
29/11/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

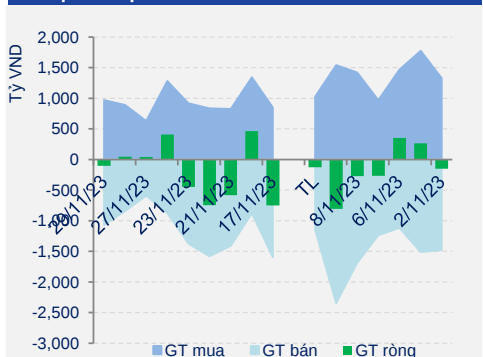
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,102.80	227.03
% Thay đổi	↑ 0.67%	↑ 1.18%
KLGD (CP)	566,887,540	83,782,437
GTGD (tỷ đồng)	12,603.84	1,686.20
Tổng cung (CP)	1,436,084,245	145,739,700
Tổng cầu (CP)	1,313,058,402	122,996,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	37,911,698	537,267
KL mua (CP)	30,776,198	4,165,451
GT mua (tỷ đồng)	970.27	91.89
GT bán (tỷ đồng)	1,072.02	14.53
GT ròng (tỷ đồng)	(101.75)	77.36

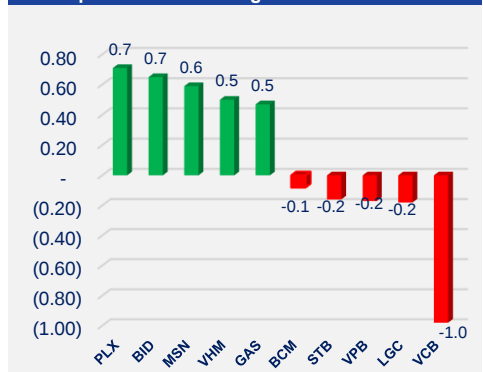
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau phiên phục hồi với thanh khoản cải thiện, VN-INDEX trong phiên giao dịch hôm nay tiếp tục có diễn biến tích cực khi tăng giá từ đầu phiên và duy trì đà tăng đến cuối phiên. Kết phiên VN-INDEX tăng 7,37 điểm (+0,67%) lên mức 1.102,80 điểm, vượt lên vùng giá tâm lý 1.100 điểm để kỳ vọng hướng đến kiểm tra lại vùng giá trung bình MA200 phiên. HNX-INDEX tăng 2,64 điểm (+1,18%) về mức 227,03 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực với 504 tăng giá (16 mã tăng trần), 164 mã giảm giá (05 mã giảm sàn) và 160 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 14.284,76 đồng được giao dịch, giảm 7,80% so với phiên trước, vẫn dưới mức trung bình. Thể hiện mức độ phục hồi không đồng đều với thanh khoản vẫn chưa cải thiện tốt ở nhóm ngân hàng. Nhà đầu tư nước ngoài sau 02 phiên mua ròng nhẹ, gia tăng giao dịch và bán ròng trở lại với giá trị 101,75 tỷ đồng trên HOSE, trong đó tập trung bán ròng các cổ phiếu bán lẻ, ngân hàng; mua ròng trên HNX với giá trị 77,36 tỷ đồng, tập trung khá đột biến nhóm chứng khoán.

Thị trường đón nhận các chỉ số vĩ mô tháng 11/2023. CPI tháng 11 tăng 3,46% so với tháng 12/2022 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3,22% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,27%. Tính tới 15/11/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa sơ bộ đạt 587,68 tỷ USD, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước, xuất siêu ước 24,44 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 8,1 tỷ USD).

Các cổ phiếu nhóm dầu khí với thông tin khá tích cực về trao thầu EPC1#2- dự án khí lô B đã có diễn biến tăng giá nổi bật, thanh khoản đột biến mạnh với PLX (+6,23%), PVS (+4,84%), PVB (+4,84%), PVD (+4,58%), PVC (+4,17%).... Các cổ phiếu bán lẻ cũng có diễn biến tích cực, thanh khoản cải thiện tốt như DGW (+3,52%), MSN (+2,61%), PET (+2,46%), MWG (+2,11%) trước thông tin Quốc Hội đã thông qua Nghị quyết tiếp tục giảm 2% thuế VAT từ 1/1/2024 đến hết ngày 30/6/2024 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, mục 1.1, khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15.

Các cổ phiếu nhóm cổ phiếu xây dựng, xây lắp điện, cảng biển cũng có diễn biến khá tích cực, nhiều mã tăng giá mạnh, thanh khoản đột biến với TV2 (+6,98%), PC1 (+5,48%), C60 (+3,03%)... DVP (+4,07%), GMD (+3,70%)...

Trong khi đó các cổ phiếu ngân hàng vẫn có diễn biến kém tích cực so với thị trường chung, phân hóa mạnh, đa số biến động trong biên độ hẹp với thanh khoản duy trì ở mức thấp so với trung bình như OCB (+1,87%), VAB (+1,54%), LPB (+1,33%)...STB (-1,24%), VCB (-0,82%), VPB (-0,52%)... Các nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán có diễn biến tăng giá tích cực hơn nhưng thanh khoản giảm dưới mức trung bình.

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2312 tăng 5,1 điểm (+0,47%), khối lượng giao dịch giảm 26,99% so với phiên trước, dưới mức trung bình, khối lượng mở OI tăng, cho thấy các vị thế đầu cơ trong phiên giảm khá mạnh, có thể dịch chuyển trở lại thị trường cơ sở. Xu hướng VN30F2312 vẫn tích lũy trong biên độ hẹp với vùng kháng cự quanh 1.105 điểm và hỗ trợ gần nhất 1.085 điểm. Các kỳ hạn VN30F2401, VN30F2403, VN30F2406 chênh lệch từ -2,06 điểm đến -7,76 điểm, các mức chênh lệch thu hẹp gia tăng, trong đó kỳ hạn VN30F2403 thấp hơn kỳ hạn VN30F2406, cho thấy các trader vẫn chưa lạc quan với VN30, có thể gia tăng các vị thế mua ở thị trường cơ sở và phòng ngừa rủi ro ở các kỳ hạn lớn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG



Vn-Index đã vượt lên trên ngưỡng cản 1.100 điểm trong phiên hôm nay mặc dù thanh khoản giảm so với phiên trước đó. Như đã nhận định trong các bản tin gần đây nếu Vn-Index tiếp tục duy trì giao dịch trên ngưỡng này trong các phiên tới, khả năng hình thành nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường sẽ dần mở ra. Thị trường đang trong nhịp hồi phục ngắn hạn sau giai đoạn giảm mạnh, chúng tôi vẫn kỳ vọng nhịp hồi phục sẽ tiếp tục tiếp diễn trước khi thị trường tiến tới khu vực cân bằng tích lũy mới phía trên ngưỡng 1.100 điểm. Tuy nhiên nhịp hồi phục này mang tính kỹ thuật bởi VnIndex đã đánh mất xu hướng uptrend và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Điểm số Vn-Index đang thoát khỏi trĩ kéo của nền tích lũy trung hạn nhưng vẫn chỉ là nhịp hồi phục kỹ thuật và có thể kết thúc bất kỳ thời điểm nào, nếu VnIndex giữ được mốc 1.100 điểm thì khả năng cao thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.100 điểm - 1.150 điểm, trong trường hợp Vn-Index đánh mất mốc 1.100 điểm trong các phiên tới thì khả năng vùng tích lũy sẽ hạ thấp trong khu vực 1.000 điểm - 1.100 điểm nhưng với vận động tích cực của thị trường trong các phiên gần đây chúng tôi cho rằng khả năng VnIndex tích lũy ở vùng điểm số cao có cơ sở tin cậy hơn.

Các dữ liệu kinh tế vĩ mô trong nước tháng 11 nhìn chung vẫn ổn định và có tín hiệu tích cực dần khi quý IV thường là quý sôi động nhất trong năm. CPI tháng 11 tăng 3,45% YoY và bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 3,22% YoY. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 tăng 3% MoM và tăng 5,8% YoY. Vốn FDI đăng ký 11 tháng đạt 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% YoY. Xuất siêu 11 tháng đạt 24,44 tỷ USD (cùng kỳ năm 2022 xuất siêu 8,1 tỷ USD). Tuy nhiên mức độ phục hồi vẫn còn chưa được như kỳ vọng và mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm 6,5% là khó đạt được, tăng trưởng tín dụng yếu (+8,09%) cho thấy khả năng hấp thụ vốn thấp, những khó khăn đối với thị trường BĐS và đặc biệt là thị trường trái phiếu cần nhiều thời gian để vượt qua. Với tình trạng vĩ mô như hiện tại, việc thị trường hướng tới vận động tìm điểm cân bằng lại để tích lũy là phù hợp.

Nhịp hồi phục tiếp theo của thị trường có khả năng sớm hình thành nếu Vn-Index tiếp tục tăng điểm để thoát khỏi hỗ trợ 1.100 điểm trong các phiên tới, trong ngắn hạn mọi nỗ lực phục hồi ngắn hạn đều mang tính kỹ thuật hàm chứa rủi ro. Nhà đầu tư ngắn hạn đã giải ngân trong phiên hôm nay khi Vn-Index vượt lên trên 1.100 điểm như chúng tôi đã nhận định có thể xem xét mua thêm nếu chỉ số tiếp tục tăng điểm và thanh khoản cải thiện, tuy nhiên nên hạn chế tỷ trọng ở mức trung bình. Với nhà đầu tư trung, dài hạn thì thị trường vẫn đã được xác nhận là qua đáy downtrend tại 950 điểm mặc dù hiện tại xu hướng uptrend kết thúc nhưng khả năng cao thị trường sẽ đi vào vùng tích lũy lại do đó nhà đầu tư dài hạn không cần quá lo ngại, nhà đầu tư trung dài hạn hoàn toàn có thể chờ cơ hội giải ngân thêm khi thị trường tích lũy ổn định trở lại.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp !



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

29/11/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
PVS	39.00	34-35	39-40	33	21.1	19.2%	-26.6%	Theo dõi chờ giải ngân
BFC	23.45	19.5-21	26-27	18	10.4	18.5%	1227.6%	Theo dõi chờ giải ngân
VGC	52.80	49-51	60-62	48	17.2	8.1%	86.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVD	28.55	26.5-27.5	30-31	25	36.6	11.2%	546.3%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	13.75	13-14	17.5-18.5	12	7.6	75.4%	-68.3%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	25.0	22.3	28-28.5	25	12.1%	Nắm giữ
1/11/2023	DTD	22.7	18.6	26-27	22	22.0%	Nắm giữ
8/11/2023	PVT	26.0	24.45	30-31	25	6.3%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	46.8	45.1	52-53	45	3.8%	Nắm giữ
22/11/2023	LSS	11.3	11.4	15-16	11	-0.9%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11 tăng nhẹ

So với tháng trước, CPI tháng 11 chỉ tăng 0,25%, do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế, tăng học phí và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu... Số liệu vừa được Tổng cục Thống kê công bố, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2023 tăng 0,25% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do một số địa phương thực hiện tăng giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 22/2023/TT-BYT, tăng học phí theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP và giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu là những nguyên nhân chính làm cho chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2023 tăng 0,25% so với tháng trước.

Chính thức: Giảm 2% thuế VAT đến hết 30/6/2024

Tiếp tục chương trình Kỳ họp thứ 6, sáng 29/11, tại Nhà Quốc hội, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ, Quốc hội biểu quyết thông qua 02 Nghị quyết và hợp phiên bế mạc. Với 477 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành (chiếm tỷ lệ 96,56%), Quốc hội đã thông qua Nghị quyết Kỳ họp thứ 6, Quốc hội khóa XV. Đáng chú ý theo Nghị quyết, Quốc hội đã đồng ý giảm 2% thuế giá trị gia tăng (VAT) từ 1/1/2024 đến hết ngày 30/6/2024 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a, mục 1.1, khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Chính thức áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu từ năm 2024, vẫn còn nhiều băn khoăn

Quốc hội chính thức thông qua Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều băn khoăn về những vụ tranh chấp có thể xảy ra khi nhà đầu tư muốn nộp thuế về nước mẹ, hay chính sách ưu đãi nào để giữ chân "đại bàng" FDI... Tiếp tục chương trình Kỳ họp thứ 6, sáng ngày 29/11, trong buổi làm việc cuối cùng trước khi bế mạc kỳ họp, Quốc hội biểu quyết thông qua 02 nghị quyết quan trọng, trong đó có Nghị quyết về việc áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung theo quy định chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024, áp dụng từ năm tài chính 2024.

Kinh tế tháng 11: Sản xuất công nghiệp tăng mạnh nhất 13 tháng, bán lẻ tiêu dùng cải thiện

Theo báo cáo tình hình kinh tế xã hội mà Tổng cục Thống kê vừa công bố, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 11 ước tính tăng 3% so với tháng trước và tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước. Đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 13 tháng trở lại đây. Trước đó chỉ số IIP từng tăng 6,3% so với cùng kỳ trong tháng 10/2022. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 ước đạt 552.700 tỷ đồng, tăng 1,4% so với tháng trước và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm trước.

TIN DOANH NGHIỆP

Sau khi bầu cán bộ chủ chốt, PG Bank (PGB) lên phương án triển khai phát hành thêm 200 triệu cổ phiếu

HĐQT Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PG Bank, mã PGB – UPCoM) vừa thông qua việc triển khai thực hiện tăng vốn điều lệ từ 3.000 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng. Theo đó, Ngân hàng dự kiến phát hành 120 triệu cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 10:4, tức cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được hưởng 1 quyền và cứ 10 quyền sẽ được nhận 4 cổ phiếu mới phát hành thêm. Số cổ phiếu lẻ (nếu có) sẽ được tặng cho công đoàn PG Bank. Nguồn vốn thực hiện là từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ theo báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán, tương ứng 1.266,8 tỷ đồng và gần 318 tỷ đồng.

SIP sắp chi gần 182 tỷ đồng trả cổ tức

CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG (UPCoM: SIP) thông báo chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức bằng tiền đợt 1/2023 vào ngày 08/12. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 07/12. Tỷ lệ cổ tức là 10% (1 cp được nhận 1,000 đồng). Với 181.8 triệu cp đang lưu hành, ước tính SIP cần chi gần 182 tỷ đồng cho đợt trả cổ tức này. Ngày thanh toán dự kiến vào 25/12. Về tình hình kinh doanh, lũy kế 9 tháng đầu năm 2023, Công ty có 4,762 tỷ đồng doanh thu, tăng 4% so với cùng kỳ; lãi ròng gần 617 tỷ đồng, giảm 9%. Với kết quả này, SIP thực hiện được 88% kế hoạch lãi sau thuế năm.

Lợi nhuận doanh nghiệp xây dựng trên sàn trong quý 3 giảm 35%

Ngành xây dựng vẫn gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung từ thị trường bất động sản. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng quý 3 tốt hơn quý 2, với 25.5% doanh nghiệp nhận định hoạt động kinh doanh thuận lợi hơn, 39% doanh nghiệp nhận định hoạt động giữ mức ổn định và hơn 35% doanh nghiệp nhận định hoạt động khó khăn hơn. Theo dữ liệu của VietstockFinance, 119 doanh nghiệp xây dựng (trên sàn HOSE, HNX và UPCoM đã công bố BCTC quý 3/2023) đạt doanh thu thuần gần 38 ngàn tỷ đồng trong quý 3/2023, giảm 9% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận ròng gần 1,240 tỷ đồng, giảm 35%.

Thủy điện Nước Trong chốt quyền trả cổ tức bằng tiền tỷ lệ 10%

CTCP Thủy điện Nước Trong (HNX: NTH) thông báo ngày 25/12 sẽ chốt danh sách cổ đông nhận tạm ứng cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 22/12. Hiện, NTH có 10.8 triệu cp đang lưu hành. Với tỷ lệ cổ tức 10% (1 cp được nhận 1,000 đồng), ước tính Công ty cần chi 10.8 tỷ đồng trả cổ tức cho cổ đông. Dự kiến thanh toán vào ngày 11/01/2024. Trước đó, ngày 21/09, NTH đã tạm ứng cổ tức đợt 1/2023 bằng tiền với cùng tỷ lệ 10%. Như vậy, tổng tỷ lệ cổ tức qua 2 đợt tạm ứng là 20%. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2023, tỷ lệ cổ tức năm 2023 được thông qua là 30%, thấp hơn so với tỷ lệ 45% năm 2022 và bằng năm 2021.



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCI	2,104,200	FUESSVFL	5,625,000
2	VND	1,304,015	MWG	3,135,070
3	PLX	1,232,304	STB	1,725,600
4	HPG	1,081,305	DIG	1,110,000
5	VRE	987,700	DXG	962,520

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SHS	3,160,500	NRC	41,000
2	PVS	542,603	CEO	39,500
3	IDC	50,500	TNG	35,900
4	EVS	44,000	TA9	20,400
5	DTD	10,000	NVB	9,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HAG	10.70	11.25	↑ 5.14%	38,113,500
NVL	17.45	18.10	↑ 3.72%	35,230,700
VIX	16.25	16.45	↑ 1.23%	24,052,300
HPG	26.70	27.00	↑ 1.12%	23,103,000
VND	20.80	21.05	↑ 1.20%	17,510,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.60	18.10	↑ 2.84%	23,793,094
PVS	37.20	39.00	↑ 4.84%	11,737,999
CEO	21.60	21.90	↑ 1.39%	10,160,652
MBS	21.40	21.60	↑ 0.93%	4,615,702
CTP	4.40	4.50	↑ 2.27%	3,146,100

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TV2	37.25	39.85	2.60	↑ 6.98%
COM	28.20	30.15	1.95	↑ 6.91%
HAS	6.10	6.52	0.42	↑ 6.89%
GMC	7.27	7.77	0.50	↑ 6.88%
HU1	6.98	7.46	0.48	↑ 6.88%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KSQ	2.00	2.20	0.20	↑ 10.00%
PTD	6.10	6.70	0.60	↑ 9.84%
BTW	35.70	39.20	3.50	↑ 9.80%
CDN	25.60	28.10	2.50	↑ 9.77%
NAP	11.00	12.00	1.00	↑ 9.09%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

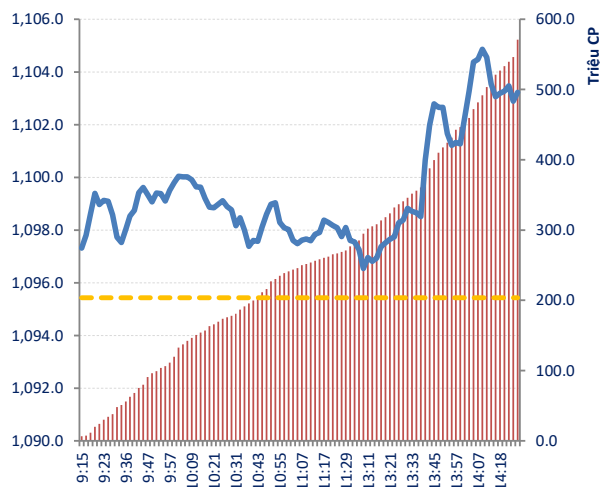
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
C47	8.20	7.41	-0.79	↓ -9.63%
SVC	33.00	30.70	-2.30	↓ -6.97%
CLW	42.65	39.70	-2.95	↓ -6.92%
LGC	58.30	54.40	-3.90	↓ -6.69%
PDN	105.00	98.50	-6.50	↓ -6.19%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KDM	22.10	19.90	-2.20	↓ -9.95%
MCO	5.20	4.70	-0.50	↓ -9.62%
SFN	19.20	17.40	-1.80	↓ -9.38%
X20	9.70	8.80	-0.90	↓ -9.28%
VE3	14.20	13.40	-0.80	↓ -5.63%

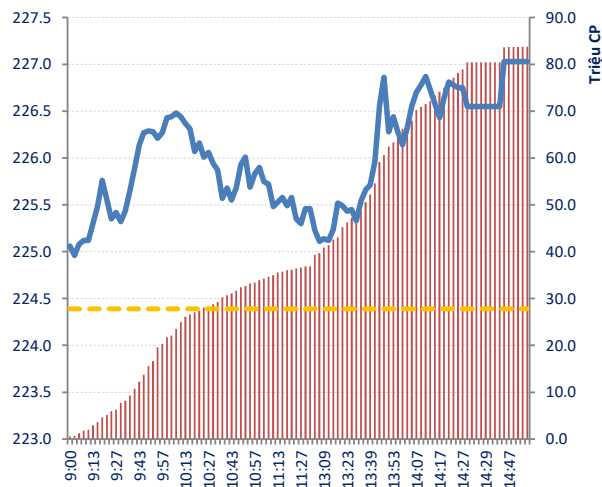
(*) Giá điều chỉnh

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

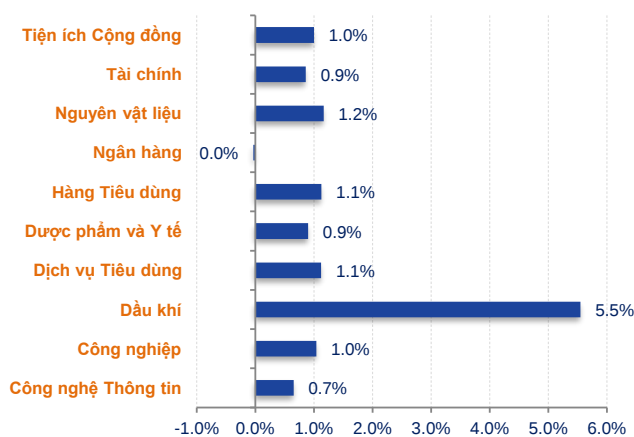
KLGD và VN-Index trong phiên



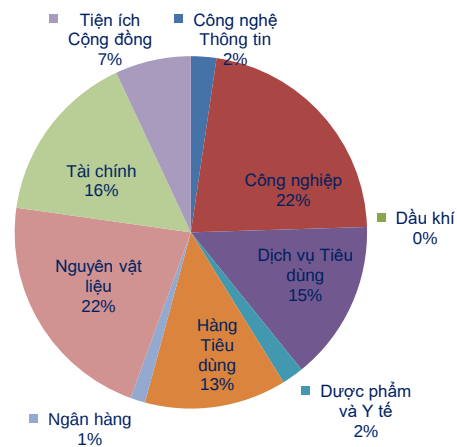
KLGD và HNX-Index trong phiên



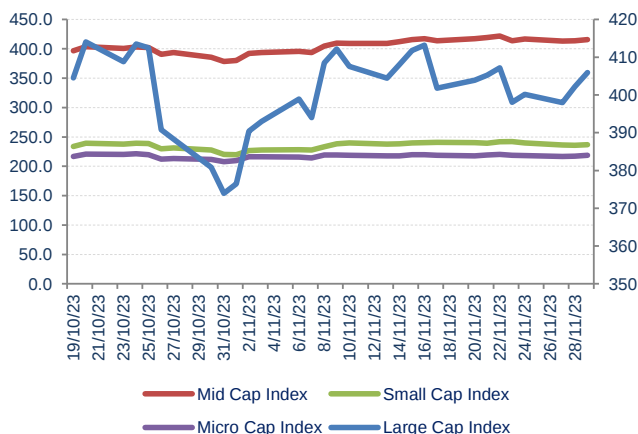
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



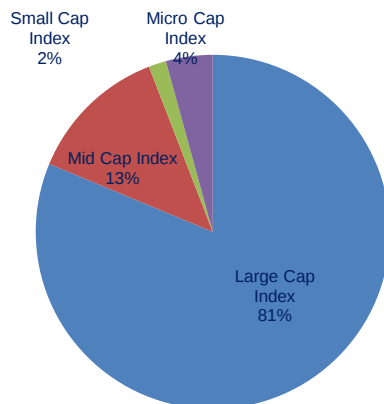
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ

Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ

Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ

Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	38,113,500	18.6%	1,070	10.0	1.9
NVL	35,230,700	-1.4%	(309)	-	0.8
VIX	24,052,300	8.2%	1,005	16.2	1.3
HPG	23,103,000	1.9%	322	83.0	1.6
VND	17,510,500	7.8%	957	21.7	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	23,793,094	5.4%	643	27.4	1.4
PVS	11,737,999	6.7%	1,846	20.2	1.3
CEO	10,160,652	6.7%	955	22.6	1.8
MBS	4,615,702	10.4%	1,104	19.4	1.9
CTP	3,146,100	0.4%	46	96.0	0.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
TV2	↑ 7.0%	5.6%	1,105	33.7	1.9
COM	↑ 6.9%	2.9%	880	32.1	0.9
HAS	↑ 6.9%	-0.1%	(20)	-	0.3
GMC	↑ 6.9%	-24.1%	(3,129)	-	0.6
HU1	↑ 6.9%	0.9%	144	48.4	0.5

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KSQ	↑ 10.0%	-20.9%	(2,031)	-	0.2
PTD	↑ 9.8%	3.0%	567	10.8	0.4
BTW	↑ 9.8%	18.6%	5,066	7.0	1.3
CDN	↑ 9.8%	17.4%	2,820	9.1	1.6
NAP	↑ 9.1%	8.5%	942	11.7	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	2,104,200	5.7%	911	44.6	2.4
VND	1,304,015	7.8%	957	21.7	1.6
PLX	1,232,304	11.9%	2,628	12.8	1.5
HPG	1,081,305	1.9%	322	83.0	1.6
VRE	987,700	11.8%	1,818	12.5	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	3,160,500	5.4%	643	27.4	1.4
PVS	542,603	6.7%	1,846	20.2	1.3
IDC	50,500	17.0%	3,177	15.3	2.9
EVS	44,000	5.9%	688	12.2	0.7
DTD	10,000	17.8%	4,005	5.6	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	479,544	22.6%	6,013	14.3	3.0
BID	196,524	17.6%	3,887	10.0	1.7
VHM	177,440	25.0%	9,468	4.3	1.0
GAS	176,849	19.0%	5,283	14.6	2.8
VIC	161,711	2.7%	977	43.4	1.1

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,780	6.7%	1,846	20.2	1.3
HUT	17,225	0.8%	122	158.5	1.5
IDC	16,005	17.0%	3,177	15.3	2.9
SHS	14,312	5.4%	643	27.4	1.4
THD	13,629	2.9%	460	77.0	2.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	2.88	-0.2%	(32)	-	0.7
CTS	2.72	7.9%	1,020	26.5	2.0
VIX	2.68	8.2%	1,005	16.2	1.3
GEX	2.63	2.0%	511	42.1	0.8
FTS	2.59	14.4%	2,301	18.2	2.5

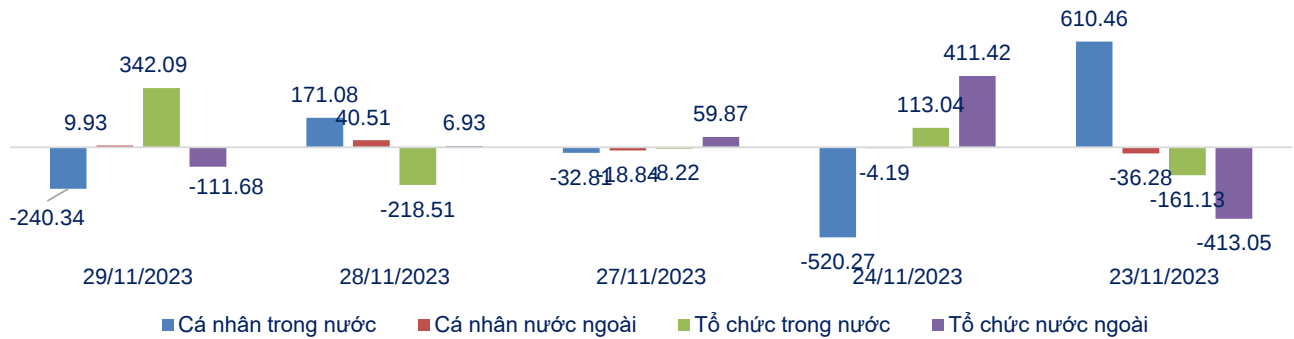
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.94	6.2%	643	23.9	1.4
SHS	2.40	5.4%	643	27.4	1.4
IVS	2.34	3.4%	362	26.3	0.9
VIG	2.32	6.8%	501	15.2	1.1
HUT	2.20	0.8%	122	158.5	1.5



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	119.71	3.0%	476	79.8	2.4
EVF	59.68	9.0%	1,048	15.6	1.4
KDC	34.24	9.2%	2,671	23.7	2.0
HHV	25.64	3.9%	1,009	14.2	0.5
DIG	23.20	1.4%	182	134.8	1.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SRC	-176.64	1.7%	258	112.6	1.9
VCI	-89.63	5.7%	911	44.6	2.4
NVL	-67.16	-1.4%	(309)	-	0.8
PLX	-37.28	11.9%	2,628	12.8	1.5
SAB	-32.21	16.5%	3,286	19.8	3.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	2.73	11.4%	2,926	8.7	1.0
MWG	2.59	3.0%	476	79.8	2.4
NKG	2.33	-4.8%	(975)	-	1.1
VCG	2.30	2.8%	516	43.9	1.2
STB	1.45	17.5%	3,825	7.4	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
NVL	-2.54	-1.4%	(309)	-	0.8
BID	-0.78	17.6%	3,887	10.0	1.7
DGC	-0.74	29.7%	9,010	10.5	2.9
DXG	-0.70	-2.0%	(456)	-	0.8
POM	-0.69	-47.5%	(3,857)	-	0.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SRC	176.64	1.7%	258	112.6	1.9
FUESSVFL	99.99	N/A	N/A	N/A	N/A
NVL	71.61	-1.4%	(309)	-	0.8
STB	37.60	17.5%	3,825	7.4	1.2
ACB	25.14	23.8%	3,839	5.7	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EVF	-56.62	9.0%	1,048	15.6	1.4
KDC	-34.00	9.2%	2,671	23.7	2.0
PVD	-27.65	3.0%	779	35.0	1.0
HHV	-23.85	3.9%	1,009	14.2	0.5
MSB	-18.61	17.2%	2,471	5.2	0.8

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	87.42	5.7%	911	44.6	2.4
PLX	42.95	11.9%	2,628	12.8	1.5
HPG	29.12	1.9%	322	83.0	1.6
SAB	29.05	16.5%	3,286	19.8	3.1
VND	27.77	7.8%	957	21.7	1.6

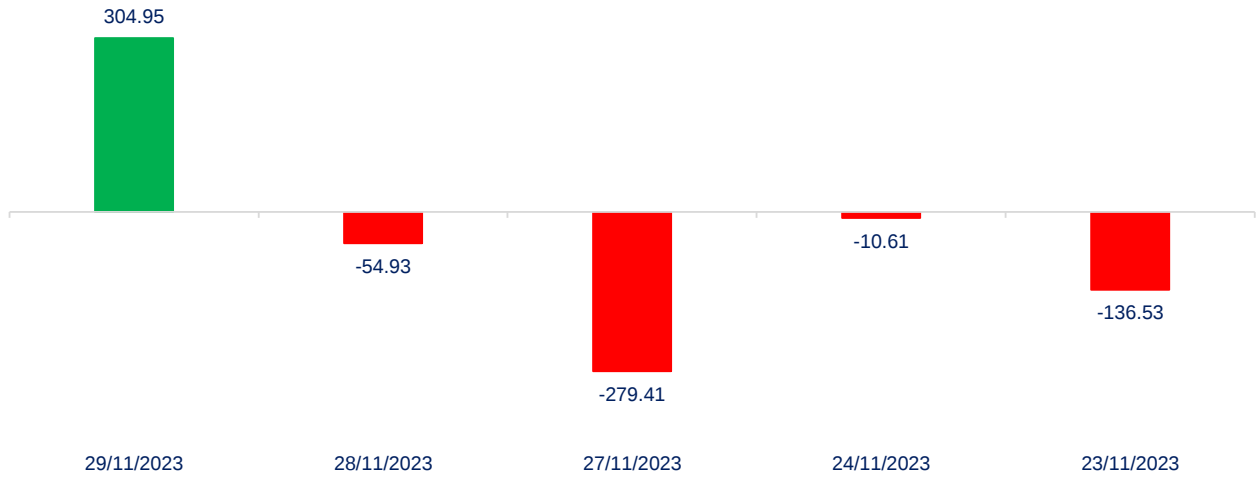
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MWG	-124.31	3.0%	476	79.8	2.4
FUESSVFL	-99.90	N/A	N/A	N/A	N/A
STB	-49.74	17.5%	3,825	7.4	1.2
DIG	-27.10	1.4%	182	134.8	1.9
VCB	-25.30	22.6%	6,013	14.3	3.0

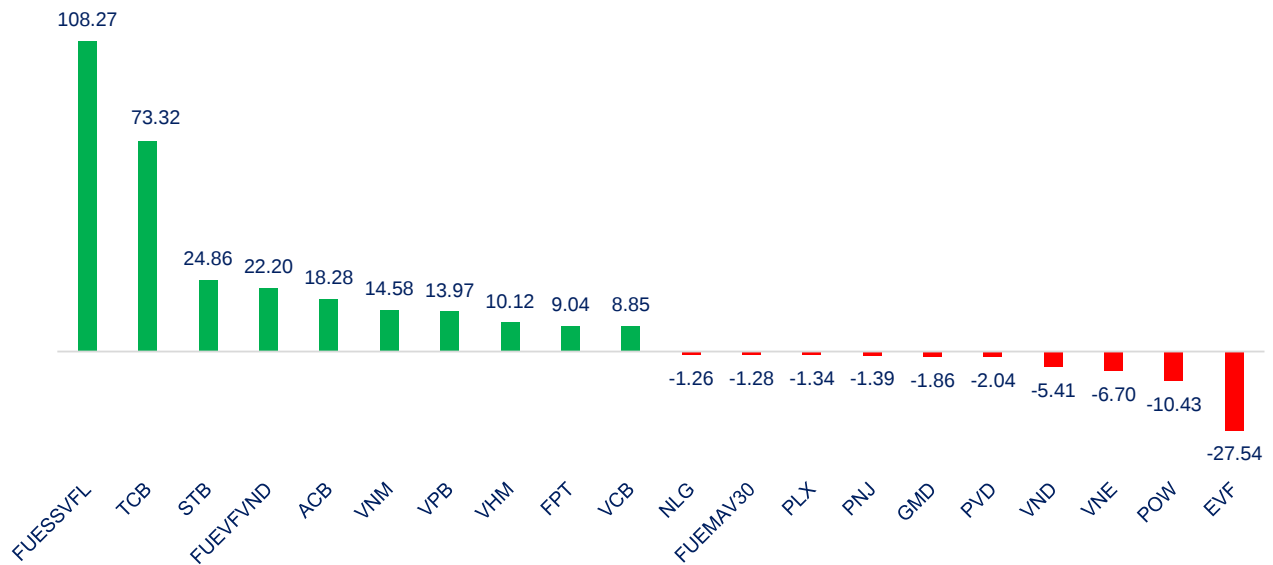


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn